TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HS-ST
Ngày: 24/3/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Yên và bà Bùi Thị Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2023/TLST-HS ngày 18/1/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HS ngày 24/02/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 03/2023/HSST-QĐ ngày 28/2/2023 đối với:

***Bị cáo: Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1994, tại thôn A, xã Th, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn A, xã Th, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và con bà Nguyễn Thị N; vợ là Nguyễn Thị Tr và có 02 con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang tại ngoại, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1994, địa chỉ: Thôn A, xã Th, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Anh Đặng Văn H, sinh năm 1998, địa chỉ: Thôn A, xã Th, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Anh Bùi Quốc Ch, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn A, xã Th, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Anh Đào Văn H1, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn A, xã Th, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Văn O, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn Thúy Lâm, xã Thanh Sơn, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Hoàng Â, sinh năm 1977, địa chỉ: Ấp Phú Xuân, xã Phú Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Ông Trần Văn T2, sinh năm 1965, địa chỉ: Ấp Tiên Tây Vàm, xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Bà Lê Thị Bé T3, sinh năm 1965, địa chỉ: Ấp Tiên Tây Vàm, xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1966, địa chỉ: Ấp Khánh Hội Đông, xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Chị Nguyễn Thị Thùy T4, sinh năm 1974, địa chỉ: Ấp Khánh Hội Đông, xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Bà Võ Thị Kim C, sinh năm 1965, địa chỉ: Ấp Tiên Tây Vàm, xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Đều vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

- Chị Nguyễn Thị T5; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 25/4/2021 đến ngày 19/10/2022, Nguyễn Thanh T đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Để thực hiện hành vi, quản lý các khoản cho vay, T đã mua bản quyền sử dụng phần mềm trên website "mecash.vn", tài khoản "Ducati34", mật khẩu "68713324". Tiếp theo, T in tờ rơi cho vay tín chấp và vay trả góp (bát họ), có in thông tin số điện thoại của T 0766347777. T tự đi rải tờ quảng cáo có nội dung trên ở khu vực huyện Thanh Hà, một số nơi khác trong đó có khu vực ở xã T, huyện Ch, tỉnh Bến Tre. T quy định đối với hình thức cho vay tín chấp lãi suất là từ 3.000đ đến 20.000đ/1 triệu/1 ngày; đối với vay trả góp (bát họ) tỷ lệ từ 12 ăn 10 (nhận 10.000.000đ phải trả 12.000.000đ) đến 10 ăn 5,56 (nhận 5.560.000đ phải trả 10.000.000đ) trong kỳ hạn trả dao động từ 21 đến 32 ngày. Sau khi cho vay, T nhập thông tin người vay, lãi suất, ngày vay, ngày kết thúc hợp đồng vào tài khoản trên phần mềm mecash

qua điện thoại nhãn hiệu Iphone Xsmax màu vàng gắn sim số 0766347777 để theo dõi, quản lý. Đến ngày hẹn thì người vay sẽ tìm T trả tiền lãi hoặc T trực tiếp liên lạc tìm người vay để lấy tiền lãi. Khi người vay thanh toán hết khoản vay và lãi suất, T sẽ đóng hợp đồng.

Quá trình điều tra đã xác định được 11 người vay tiền tương ứng với 40 hợp đồng vay, những người này xác định có vay tiền của T với lãi suất cao trên mức quy định Bộ luật dân sự. Tổng số tiền cho vay là 231.300.000đ, tiền thu lợi bất chính là 79.549.685đ.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 16/1/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xác định lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 70.000.000đ đến 90.000.000đ sung quỹ Nhà nước; biện pháp tư pháp: Truy thu sung quỹ Nhà nước 178.300.000đ tiền gốc T cho vay và đã thu hồi được; truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền nợ gốc từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả cho T là 53.000.000đ. Buộc bị cáo T phải trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền lãi thu vượt quá quy định pháp luật, tổng là 79.549.685đ; truy thu của T số tiền lãi thu theo quy định pháp luật là 4.945.315đ. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung quỹ Nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMAX màu vàng, số IMEI 357267094174376, gắn sim số 0766347777 bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo và những người

có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với vật chứng đã thu giữ, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 25/4/2021 đến ngày 19/10/2022, Nguyễn Thanh T đã thực hiện hành vi cho 11 người vay, tương ứng với 40 Hợp đồng vay lãi suất cao trên mức quy định của Bộ luật dân sự (thấp nhất 109,5%/năm, cao nhất 1807,99%/năm). Tổng số tiền cho vay là 231.300.000đ, số tiền thu lợi bất chính là 79.549.685đ.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức việc cho vay lãi suất cao để thu lợi bất chính là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Tại 40 Hợp đồng vay lãi suất cao không có hợp đồng nào thu lợi từ 30.000.000đ trở lên nên bị cáo không phải chịu tình tiết tặng nặng phạm tội hai lần trở lên.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Sau khi đánh giá tính chất nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 51, nhân thân tốt. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Biện pháp tư pháp:

[6.1] Đối với số tiền gốc 231.300.000đ mà bị cáo sử dụng cho 11 người vay

nặng lãi. Xét đây là công cụ phạm tội của bị cáo nên cần truy thu nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Bị cáo T đã thu về số tiền gốc 178.300.000đ nên cần truy thu từ bị cáo T số tiền này.

Đối với số tiền nợ gốc mà người vay chưa trả cho T: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định hiện nay anh N1 còn nợ tiền gốc là 10.000.000đ, ông O 30.000.000đ, ông T2 10.000.000đ, bà Th 3.000.000đ. Do đó cần truy thu số tiền này từ những người vay trên để sung quỹ Nhà nước theo quy định pháp luật.

[6.2] Đối với khoản tiền lãi 79.549.685đ bị cáo T thu của 11 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, cần trả lại cho người vay (có danh sách cụ thể tại phần Quyết định của Bản án).

[6.3] Đối với khoản tiền lãi 4.945.315đ bị cáo T thu của 11 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Đây là số tiền bị cáo có được do việc phạm tội nên cần truy thu nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMAX màu vàng, số IMEI 357267094174376, bị vỡ phần kính mặt lưng là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Sim số 0766347777 không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu huỷ.

[8] Các vấn đề khác:

- Đối với các hợp đồng vay chưa làm việc được hoặc những người có thông tin trong dữ liệu phần mềm quản lý việc cho vay xác định không vay tiền của T. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau. Trường hợp Đào Văn S tại mã hợp đồng số TC-5 có dữ liệu vay tiền, có lãi suất nhưng bị cáo, Sang đều xác định cho vay không có lãi nên không có căn cứ để xử lý.

- Đối với 04 người vay tiền (tương đương 32 Hợp đồng vay) có thông tin trong dữ liệu phần mềm "mecash.vn" gồm Lê Thị D, Phạm Minh T6, Hồ Thị M, Bùi Văn A. Mặc dù đã xác định được tên tuổi, địa chỉ cụ thể nhưng trong quá trình điều tra những người này vắng mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

- Chị Nguyễn Thị Tr (vợ bị cáo) không biết, bị cáo không sử dụng tài sản chung của vợ chồng để thực hiện việc cho vay lãi nặng nên không có căn cứ để xử lý.

- Bà Nguyễn Thị B không biết việc bị cáo thuê nhà để thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng nên không có căn cứ để xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 35; khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 95.000.000đ (*chín mươi lăm triệu đồng*) sung ngân sách Nhà nước.

3. Biện pháp tư pháp:

- Truy thu số tiền 178.300.000đ (*một trăm bảy mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng*) của bị cáo Nguyễn Thanh T sung ngân sách Nhà nước.

- Truy thu sung quỹ Nhà nước tiền nợ gốc chưa trả từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan sau: Nguyễn Văn N1 10.000.000đ (mười triệu đồng); Phạm Văn O 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng); Trần Văn T2 10.000.000đ (mười triệu đồng); Nguyễn Thị Thanh Th 3.000.000đ (ba triệu đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T trả lại tiền thu lợi bất chính (khoản lãi vượt quá mức lãi suất tối đa mà pháp luật quy định) cho 11 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tổng = 79.549.685đ. Cụ thể số tiền trả cho từng người có bảng kê cụ thể như sau:

STT	**Họ và tên người được trả**	**Số tiền được trả**
1	Nguyễn Văn N1	735.616 đồng
2	Đặng Văn H	2.206.849 đồng
3	Bùi Quốc Ch	2.206.849 đồng
4	Đào Văn H1	1.103.425 đồng
5	Nguyễn Văn O	4.413.699 đồng
6	Nguyễn Hoàng Â	7.329.041 đồng

7	Trần Văn T2	24.720.548 đồng
8	Nguyễn Thị Thanh Th	6.095.410 đồng
9	Nguyễn Thị Thuỳ T4	18.369.863 đồng
10	Võ Thị Kim C	6.913.644 đồng
11	Lê Thị Bé T3	5.454.740 đồng

- Truy thu của Nguyễn Thanh T 4.945.315 đồng (bốn triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm mười lăm đồng) sung ngân sách Nhà nước.

4. Về vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMAX màu vàng. Tịch thu tiêu huỷ 01 sim điện thoại số 0766347777.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Hà và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà).

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu 200.000[đ] (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Bộ phận HSNV- Công an huyện Thanh Hà;
- Cơ quan THAHS- Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SWO THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng